

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC - HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH KINH TẾ TÀI NGUYÊN THIÊN NHIÊN

Hà Nội, năm 2017

MỤC LỤC

MỤC LỤC	1
PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo	1
1.2. Mục tiêu đào tạo	1
1.3. Đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học	2
1.4. Hình thức đào tạo:Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.	2
1.5.Điều kiện tốt nghiệp	2
PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	3
2.1. Kiến thức	3
2.2. Kỹ năng	4
2.3. Phẩm chất đạo đức	5
2.4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp	6
PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA	7
PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	1
4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo.....	1
4.2. Khung chương trình đào tạo.....	1
4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra... 5	
4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ).....	10
4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần	13
4.6 Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình.....	29

PHẦN 1. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1.1. Một số thông tin về chương trình đào tạo

- Tên chương trình:

+ Tiếng Việt: **Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**

+ Tiếng Anh: **Natural Resources Economics**

- Trình độ đào tạo: **Đại học**

- Thời gian đào tạo: **04 năm**

- Loại hình đào tạo: **Chính quy**

- Mã ngành: **52850102**

- Tên văn bằng sau khi tốt nghiệp

+ Tiếng Việt: **Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên**

+ Tiếng Anh: **Bachelor of Natural resources Economics**

1.2. Mục tiêu đào tạo

- Mục tiêu chung:

Cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên có đầy đủ những kiến thức cơ bản về kinh tế- xã hội và chuyên môn sâu về Kinh tế tài nguyên thiên nhiên; có kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm trong các công việc được giao trong lĩnh vực Kinh tế tài nguyên thiên nhiên.

- Mục tiêu cụ thể

Đào tạo cử nhân Kinh tế tài nguyên thiên nhiên đạt được các mục tiêu sau:

a) Kiến thức

MT1: Có những kiến thức cơ bản về kinh tế - xã hội, có năng lực chuyên môn sâu về Kinh tế tài nguyên thiên nhiên như khả năng phân tích, tính toán, hoạch định chính sách, quản lý và giải quyết các vấn đề thuộc lĩnh vực tài nguyên thiên nhiên ở các cấp, tổ chức khác nhau của nền kinh tế; Có kiến thức về pháp luật và các chính sách bảo vệ tài nguyên, những công cụ chính sách cơ bản được sử dụng trong kinh tế tài nguyên thiên nhiên và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn, đáp ứng được yêu cầu của xã hội; Phân tích được bản chất kinh tế học vận dụng trong quản lý tài nguyên thiên nhiên; Phân tích được ưu nhược điểm và điều kiện áp dụng của các phương pháp lượng giá giá trị của các loại tài nguyên thiên nhiên khác nhau.

b) Về kỹ năng:

MT2: Có khả năng vận dụng sáng tạo các kiến thức lý thuyết đã học về kinh tế tài

nguyên thiên nhiên trong thực tiễn công tác quản lý tài nguyên; Phân tích được các chính sách quản lý, khai thác, sử dụng và bảo tồn tài nguyên; Có khả năng lập, thẩm định, quản lý dự án đầu tư, dự án kinh doanh trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên, môi trường; Có năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và tố chất cần thiết để đảm nhiệm công tác quản lý tài nguyên.

c) Năng lực tự chủ và trách nhiệm

MT3: Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực kinh tế tài nguyên thiên nhiên, môi trường; Có sáng kiến trong quá trình thực hiện nhiệm vụ được giao; Có khả năng tự định hướng, thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau; Có khả năng tự học tập, tích lũy kiến thức, kinh nghiệm để nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ; Có năng lực lập kế hoạch, điều phối, phát huy trí tuệ tập thể.

d) Phẩm chất đạo đức

MT4: Có phẩm chất chính trị đạo đức tốt, có ý thức tổ chức kỷ luật, trách nhiệm công dân; có khả năng tìm việc làm, có sức khoẻ phục vụ sự nghiệp xây dựng đất nước.

e) Đủ khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

MT5: Có khả năng học tập lên trình độ cao hơn.

1.3. Đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học

- Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh đã tốt nghiệp THPT (hoặc tương đương), đạt điểm chuẩn tuyển sinh theo quy định của Nhà trường.

- Tiêu chí tuyển sinh: Theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.4. Hình thức đào tạo:Đào tạo theo hệ thống tín chỉ.

1.5.Điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Điều 28 của Hướng dẫn thực hiện Quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo học chế tín chỉ tại Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, ban hành kèm theo Quyết định số 3473/QĐ-TĐHHN ngày 03 tháng 11 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

PHẦN 2. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

2.1. Kiến thức

2.1.1 Kiến thức Đại cương

- KT1: Nhận thức được những vấn đề cơ bản về chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam, pháp luật của Nhà nước và công tác An ninh - Quốc phòng; Hiểu được các kiến thức về khoa học tự nhiên làm nền tảng để học tập các môn cơ sở ngành và chuyên sâu.

2.1.2 Kiến thức Cơ sở ngành

- KT2: Hiểu và vận dụng được các kiến thức về lĩnh vực kinh tế, tài chính, tài nguyên và môi trường làm cơ sở nghiên cứu các nội dung kiến thức chuyên sâu.

2.1.3 Kiến thức chuyên sâu

- KT3: Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế Tài nguyên và Môi trường: Vận dụng các kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kinh tế Tài nguyên và Môi trường để thực hiện các công việc như: phân tích, tổng hợp thông tin và số liệu liên quan; quản lý và xây dựng kế hoạch, đề án về tài nguyên, môi trường; lượng giá giá trị tài nguyên, lập báo cáo, tư vấn, tham mưu cho các nhà quản lý để đưa ra quyết định và xây dựng chính sách sử dụng và quản lý Tài nguyên và Môi trường;

- KT4: Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế tài nguyên biển: Hiểu và vận dụng những kiến thức chuyên sâu về lĩnh vực Kinh tế tài nguyên biển để thực hiện các nhiệm vụ nghề nghiệp như: Thực hiện công tác điều tra cơ bản tài nguyên biển, đánh giá các thiệt hại tài nguyên biển, nghiên cứu, ra quyết định trong quản lý kinh tế và bảo tồn tài nguyên, hệ sinh thái và bờ biển; Thực hiện các chương trình, dự án triển khai về khai thác, sử dụng và quản lý các loại tài nguyên biển; Đề xuất các giải pháp, chính sách nhằm đánh giá hiệu quả và bền vững đối với tài nguyên biển.

2.1.4 Kiến thức thực tập và khóa Tốt nghiệp

- KT5: Hiểu công việc thực tế, thuộc lĩnh vực tài nguyên và môi trường để có những phân tích, đánh giá thực trạng quản lý tài nguyên và môi trường dưới góc độ kinh tế. Hiểu và thực hành tốt kiến thức chuyên môn về khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên biển. Có kỹ năng nghề nghiệp để giải quyết các vấn đề thực tế hiệu quả.

2.1.5 Kiến thức Ngoại ngữ và Tin học

- KT6: Đạt chuẩn bậc 2 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, được ban hành kèm theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT ngày 24 tháng 01 năm 2014 của Bộ

trường Bộ Giáo dục và Đào tạo (Tương đương bậc A2 theo khung tham chiếu chung Châu Âu), do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép. Ngoài ra sinh viên đạt chuẩn đầu ra ngoại ngữ khi đạt 1 trong các chứng chỉ tương đương từ A2 trở lên theo bảng quy đổi sau:

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL ITP	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn Việt Nam
A2	3.5	400	400	96	40	45 – 64 PET 70 – 89 KET	2

- Đạt chuẩn Kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo Thông tư 03/2014/TT-BTTTT ngày 11 tháng 3 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông, quy định về Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin, do Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tổ chức thi sát hạch hoặc do các đơn vị khác được Bộ Giáo dục và Đào tạo cho phép.

- Sử dụng được Internet và một số phần mềm để phục vụ tốt yêu cầu công việc.

2.2. Kỹ năng

2.2.1. Kỹ năng nghề nghiệp

- KN1: Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề: Tìm hiểu, xác định nguyên nhân vấn đề, đề xuất các giải pháp, ra quyết định lựa chọn giải pháp tối ưu nhất thông qua phân tích, tính toán;

- KN2: Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức: tự tìm tòi, nghiên cứu tài liệu, thu thập, xử lý thông tin về kinh tế tài nguyên và môi trường và kinh tế tài nguyên biển;

- KN3: Khả năng điều hành, quản lý công việc: Xây dựng và điều phối công việc có tính khoa học, hợp lý; tham gia tư vấn cho các cá nhân, tổ chức;

- KN4: Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn:

Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế Tài nguyên và Môi trường: Lập kế hoạch, báo cáo về đánh giá thiệt hại môi trường; Lượng giá, định giá giá trị thiệt hại hoặc tổn thất cho xã hội để làm căn cứ cho các cơ quan quản lý môi trường xử phạt vi phạm; Lượng giá giá trị tài nguyên làm cơ sở tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo để đưa ra các chính sách sử dụng hợp lý và hiệu quả nguồn tài nguyên.

Đối với hướng chuyên sâu Kinh tế tài nguyên biển: Thực hiện điều tra cơ bản,

nghiên cứu vấn đề khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên biển hiệu quả; Kiểm tra, giám sát, lập kế hoạch thực hiện các chương trình, dự án khai thác, sử dụng và quản lý tài nguyên và môi trường biển; Tham gia tư vấn các chính sách liên quan tới tài nguyên và môi trường biển.

2.2.2. Kỹ năng mềm

- KN5: Kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm: Có khả năng tự giải quyết các vấn đề nảy sinh trong công việc hoặc phối hợp với đồng nghiệp, hợp tác và hỗ trợ nhau để đạt đến mục tiêu đã đặt ra;

- KN6: Kỹ năng quản lý, lãnh đạo: Có khả năng phân công và đánh giá hoạt động nhóm và tập thể; Phát triển và duy trì quan hệ tốt với các đối tác; Truyền cảm hứng, tạo động lực cho cá nhân và tập thể;

- KN7: Kỹ năng giao tiếp và sử dụng ngoại ngữ: Có kỹ năng giao tiếp với đối tác, đồng nghiệp và cấp trên; Có kỹ năng thuyết trình và đàm phán tốt; Có trình độ giao tiếp Tiếng Anh cơ bản; Đọc và hiểu cơ bản các thuật ngữ chuyên môn;

- KN8: Kỹ năng tìm việc làm: Có khả năng tự tìm kiếm thông tin về việc làm, chuẩn bị hồ sơ xin việc và trả lời phỏng vấn nhà tuyển dụng;

2.3. Phẩm chất đạo đức

2.3.1. Phẩm chất đạo đức cá nhân

ĐĐ1: Có ý thức kỷ luật, tinh thần trách nhiệm trong công việc, chấp hành sự phân công của lãnh đạo; Khiêm tốn, ham học hỏi, tôn trọng mọi người; Sống hòa đồng với tập thể, có tinh thần tương thân tương ái, sẵn sàng giúp đỡ đồng nghiệp và giữ gìn đoàn kết trong đơn vị.

2.3.2. Phẩm chất đạo đức nghề nghiệp

ĐĐ2: Trung thực, cẩn thận; Có tinh thần trách nhiệm với công việc; Ý thức tổ chức kỷ luật tốt; Có tinh thần hòa đồng, hợp tác với đồng nghiệp.

2.3.3. Phẩm chất đạo đức xã hội

ĐĐ3: Chấp hành nghiêm chỉnh Hiến pháp và pháp luật, các chủ trương của Đảng và chính sách của Nhà nước, có cuộc sống lành mạnh và tôn trọng các quy tắc sinh hoạt công cộng, chấp hành tốt nội quy, quy chế của nơi làm việc; Thể hiện văn minh, lịch sự trong giao tiếp, ứng xử và trang phục phù hợp; Có tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình, biết đấu tranh bảo vệ lẽ phải; Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường.

2.4. Những vị trí công tác người học có thể đảm nhiệm sau khi tốt nghiệp

- Các cơ quan quản lý Nhà nước về tài nguyên và môi trường: Các đơn vị thuộc Bộ Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài nguyên và Môi trường, Phòng Tài nguyên và Môi trường cấp quận huyện; Các Bộ ngành có công tác chuyên môn về lĩnh vực môi trường như: Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Công thương, Bộ Giao thông Vận tải, Cục Cảnh sát môi trường – Bộ Công an; Ban quản lý các Khu công nghiệp – Khu chế xuất;

- Các viện nghiên cứu, các trường đại học, cao đẳng và trung cấp: Trợ giảng, giảng viên giảng dạy các môn học về Kinh tế tài nguyên và môi trường và Kinh tế tài nguyên biển tại các cơ sở đào tạo;

- Các tổ chức phi chính phủ, các tổ chức quốc tế như UNDP, IUCN, WWF, CIDA (Canada);

- Các Công ty tư vấn về đầu tư, kinh doanh, khai thác, sử dụng và quản lý trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường, tài nguyên biển.

PHẦN 3. MA TRẬN MỐI QUAN HỆ GIỮA MỤC TIÊU ĐÀO TẠO VÀ CHUẨN ĐẦU RA

CHUẨN ĐẦU RA		MỤC TIÊU ĐÀO TẠO				
		MT1	MT2	MT3	MT4	MT5
Kiến thức	KT1	x	x		x	
	KT2	x	x	x		
	KT3			x	x	x
	KT4	x	x	x	x	x
	KT5	x	x			
	KT6		x	x	x	
Kỹ năng	KN1		x		x	
	KN2		x		x	
	KN3			x	x	x
	KN4			x	x	x
	KN5	x	x	x	x	x
	KN6					x
	KN7		x	x		x
	KN8	x	x	x	x	
Chất lượng đạo đức	ĐĐ1				x	x
	ĐĐ2			x	x	x
	ĐĐ3				x	x

PHẦN 4. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

4.1. Tóm tắt yêu cầu chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ (TC) phải tích lũy	130
Trong đó:	
- Khối kiến thức Giáo dục đại cương (Không tính các môn học GDTC, GDQP-AN)	30
- Khối kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	100
• Kiến thức cơ sở ngành	28
+ <i>Bắt buộc:</i>	(22)
+ <i>Tự chọn:</i>	(6)
• Kiến thức ngành	51
+ <i>Bắt buộc:</i>	(45)
+ <i>Tự chọn:</i>	(6)
• Kiến thức chuyên sâu	9
• Kiến thức thực tập và khóa luận tốt nghiệp	12

4.2. Khung chương trình đào tạo

Ký hiệu: - LT : Lý thuyết

- TL, TH, TT: Thảo luận, thực hành, thực tập

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương						
I.1	Lý luận chính trị						
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	2	22	08	60	
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML2102	3	32	13	90	LTML2101
3	Đường lối cách mạng của Đảng	VCPR202	3	32	13	90	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
	Cộng sản Việt Nam						
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM202	2	21	09	60	
I.2	Khoa học xã hội						
5	Kỹ năng mềm	KTQU2151	2	20	10	60	
6	Pháp luật đại cương	BLA101	2	20	10	60	
I.3	Ngoại ngữ						
7	Tiếng Anh 1	ENG101	3	08	36	90	
8	Tiếng Anh 2	ENG211	3	06	39	90	ENG101
9	Tiếng Anh 3	NNTA2103	2	6	24	60	ENG211
I.4	Khoa học tự nhiên - Tin học						
10	Toán cao cấp	MEC101	4	33	27	120	
11	Tin học đại cương	GEI401	2	20	10	60	
12	Xác suất thống kê	PRO221	2	15	15	60	
I.5	Giáo dục thể chất		05				
I.6	Giáo dục quốc phòng-an ninh		08				
II	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		97				
II.1	Kiến thức cơ sở ngành		28				
II.1.1	Bắt buộc		22				
13	Tài chính - Tiền tệ	FIMO202	3	37	8	90	
14	Kinh tế vi mô I	MIC111	3	32	13	90	
15	Kinh tế vĩ mô	MAC201	3	35	10	90	
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES202	3	31	14	90	MEC101 MIC111
17	Phân tích định lượng	QNA204	3	28	17	90	PES202
18	Cơ sở khoa học môi trường	FES201	2	20	10	60	
19	Lý thuyết kế toán	ACT202	3	30	15	90	MIC111

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
							MAC201
20	Quản trị học	MNM101	2	19	11	60	
<i>II.1.</i> 2	<i>Tự chọn</i>						
21	Tâm lý quản lý	POM101	2	20	10	60	MNM101
22	Lịch sử các học thuyết kinh tế	HETH202	2	27	03	60	LTML2101
23	Kinh tế đầu tư	INE202	2	22	08	60	MIC111 MAC201
24	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME203	2	25	05	60	
25	Tài chính công	PLF203	2	26	04	60	FIMO202
26	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	GIRS103	2	12	18	60	MEC101 GEI401
<i>II.2</i>	<i>Kiến thức ngành</i>						
<i>II.2.1</i>	<i>Bắt buộc</i>						
27	Kinh tế vi mô II	IME222	3	31	14	90	MIC111
28	Kinh tế công cộng	PLE202	3	34	11	90	IME222
29	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203	3	34	11	90	MIC111 FIMO202
30	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202	2	22	08	60	
31	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	REV203	3	29	16	90	MIC111 FIMO202
32	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	ERM203	2	24, 5	5,5	60	QNA204 MAC201
33	Kế toán tài chính	FACT203	2	21	09	60	ACT202
34	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203	2	23	07	60	EVE202
35	Kinh tế tài nguyên I	EOR213	5	51	24	150	MIC111

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
36	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	REPM203	3	34	11	90	INE202
37	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204	3	30	15	90	FACT203
38	Kinh tế môi trường	EVE202	3	30	15	90	
39	Kinh tế tài nguyên biển	MRE212	2	27	03	60	MIC111
40	Kiến tập 1	ITSE212	3	-	-	-	EVE202 CBA203
41	Kiến tập 2	ITSE223	3	-	-	-	ITSE212
42	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	IDSE204	3	-	-	-	REEM204
<i>II.2.2</i>	<i>Tự chọn</i>						
43	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên *	CORM203	2	25	05	60	
44	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	SEDF203	2	17	13	60	QNA204
45	Du lịch sinh thái	ECT202	2	21	09	60	
46	Kiểm soát ô nhiễm môi trường *	EVT202	2	20	10	60	
47	Thống kê tài nguyên và môi trường	SRE203	2	22	08	60	PES202
48	Đánh giá tác động môi trường	EIA424	2	20	10	60	FES201
49	Kiểm toán môi trường*	EAD213	2	19	11	60	
<i>II.3</i>	<i>Thực tập và Khóa luận tốt nghiệp</i>		<i>12</i>				
50	Thực tập tốt nghiệp	ITS204	6	-	90	180	CBA203 EOR224 REEM204
51	Khóa luận tốt nghiệp	DTT204	6	-	90	180	
<i>II.4</i>	<i>Kiến thức chuyên sâu</i>		<i>09</i>				
<i>II.4.1</i>	<i>Chuyên sâu Kinh tế tài nguyên và</i>						

TT	Tên học phần	Mã học phần	Tổng số TC	Số giờ TC			Mã học phần học trước
				LT	TL, TH, TT	Tự học	
	<i>môi trường</i>						
52	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	REEM204	5	49	23	150	MNM101 EVE202
53	Kinh tế tài nguyên II	EOR224	4	41	19	120	EOR213
II.4.2	<i>Chuyên sâu Kinh tế tài nguyên biển</i>						
54	Kinh tế sinh thái đại dương và bờ biển	EEOC203	3	41	4	90	
55	Đánh giá thiệt hại kinh tế ô nhiễm môi trường biển	AELP204	2	26	4	60	
56	Quản lý kinh tế tài nguyên sinh vật biển	EMLR204	4	51	9	120	
	<i>Các môn thay thế Khóa luận tốt nghiệp</i>						
57	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	NREM204	3	33	12	90	EOR224
58	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204	3	33	12	90	REEM204
Tổng số				130/1 56			

4.3. Ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần để đạt được chuẩn đầu ra

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức					Kỹ năng									Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
I. Khối kiến thức giáo dục đại cương																		
<i>I.1 Lý luận chính trị</i>																		
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ	x					x											

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																	
		Kiến thức					Kỹ năng									Phẩm chất đạo đức			
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3	
	nghĩa Mác-Lênin																		
2	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	x					x	x									x		
3	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	x					x	x									x		x
4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x					x	x									x	x	x
I.2 Khoa học xã hội																			
5	Kỹ năng mềm	x											x	x	x		x		
6	Pháp luật đại cương	x															x		
I.3 Ngoại ngữ																			
7	Tiếng Anh 1	x											x	x	x		x	x	
8	Tiếng Anh 2	x											x	x	x		x	x	
9	Tiếng Anh 3	x											x	x	x		x	x	
I.3 Khoa học tự nhiên – Tin học																			
10	Toán cao cấp	x																	
11	Tin học đại cương	x												x	x		x		
12	Xác suất thống kê	x					x												
Giáo dục thể chất																			
Giáo dục quốc phòng-an ninh																			
II.1 Kiến thức cơ sở ngành																			
II.1.1 Bắt buộc																			

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức					Kỹ năng									Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
13	Tài chính - Tiền tệ		x				x					x					x	x
14	Kinh tế vi mô I		x				x	x	x			x		x	x			
15	Kinh tế vĩ mô		x				x	x				x						
16	Nguyên lý thống kê kinh tế		x						x		x							
17	Phân tích định lượng																	
18	Cơ sở khoa học môi trường		x								x							x
19	Lý thuyết kế toán		x					x			x	x					x	
20	Quản trị học		x					x			x	x					x	x
<i>II.1.2 Tự chọn</i>																		
21	Tâm lý quản lý		x				x											
22	Lịch sử các học thuyết kinh tế		x															
23	Kinh tế đầu tư		x															
24	Quản lý nhà nước về kinh tế		x				x									x	x	x
25	Tài chính công		x							x								
26	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám																	
II.2	Kiến thức ngành																	
<i>II.2.1 Bắt buộc</i>																		
27	Kinh tế vi mô II			x										x	x			x
28	Kinh tế công cộng			x			x			x						x	x	x
29	Phân tích chi phí - lợi ích			x										x	x			x
30	Kinh tế học biển			x														x

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức					Kỹ năng									Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
	đôi khí hậu																	
31	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường			x									x	x				
32	Phương pháp nghiên cứu kinh tế		x				x					x					x	
33	Kế toán tài chính		x															x
34	Thương mại và tài nguyên môi trường			x														
35	Kinh tế tài nguyên I			x														
36	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường			x								x						
37	Hạch toán quản lý môi trường			x														
38	Kinh tế môi trường			x														
39	Kinh tế tài nguyên biển			x														
40	Kiến tập 1			x						x	x	x					x	
41	Kiến tập 2			x						x	x	x					x	
42	Đề án môn học- Kinh tế tài nguyên và môi trường			x		x	x	x										x
<i>II.2.2 Tự chọn</i>																		
43	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên		x								x		x			x		
44	Dự báo phát triển		x														x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức					Kỹ năng									Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
	kinh tế xã hội																	
45	Du lịch sinh thái		x				x									x	x	
46	Kiểm soát ô nhiễm môi trường		x				x	x									x	
47	Thống kê tài nguyên và môi trường		x				x	x									x	x
48	Đánh giá tác động môi trường		x				x	x								x	x	x
49	Kiểm toán môi trường		x				x	x								x	x	x
II.3 Thực tập và khóa luận tốt nghiệp																		
50	Thực tập tốt nghiệp				x		x	x					x	x				
51	Khóa luận tốt nghiệp				x		x	x					x	x	x	x	x	
II.4 Kiến thức chuyên sâu																		
II.4.1 Chuyên sâu Kinh tế tài nguyên và môi trường																		
52	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường				x			x					x					
53	Kinh tế tài nguyên II							x					x				x	
Chuyên sâu Kinh tế tài nguyên biển																		
54	Kinh tế sinh thái đại dương và bờ biển			x				x					x	x	x		x	

TÊN HỌC PHẦN		CHUẨN ĐẦU RA																
		Kiến thức					Kỹ năng									Phẩm chất đạo đức		
		KT1	KT2	KT3	KT4	KT5	KN1	KN2	KN3	KN4	KN5	KN6	KN7	KN8	KN9	ĐĐ1	ĐĐ2	ĐĐ3
55	Đánh giá thiệt hại kinh tế ô nhiễm môi trường biển			x			x						x	x	x		x	
56	Quản lý kinh tế tài nguyên sinh vật biển				x								x	x	x		x	
<i>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</i>																		
57	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên				x									x				x
58	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường				x									x				x

4.4. Dự kiến phân bổ số học phần theo học kỳ (học đúng tiến độ)

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ															
			1	2	3	4	5	6	7	8								
I	Khối kiến thức giáo dục đại cương																	
I.1	Lý luận chính trị																	
1.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1	LTML2101	2															
2.	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 2	LTML 2102	3															
3.	Tư tưởng Hồ Chí Minh	HCM202		2														
4.	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	VCPR202			3													
I.2	Khoa học xã hội																	
5.	Kỹ năng mềm	KTQU2151		2														
6.	Pháp luật đại cương	BLA101		2														
I.3	Ngoại ngữ																	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
6.	Tiếng Anh 1	ENG101	3							
7.	Tiếng Anh 2	ENG211		3						
8.	Tiếng Anh 3	NNTA2103			2					
I.4	Khoa học tự nhiên – Tin học									
9.	Toán cao cấp	MEC101	4							
10.	Tin học đại cương	GEI401		2						
11.	Xác suất thống kê	PRO221		2						
I.5	Giáo dục thể chất									
I.6	Giáo dục quốc phòng-An ninh									
II.	Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
II.1	Kiến thức cơ sở ngành									
12.	Tài chính - Tiền tệ	FIMO202			3					
13.	Kinh tế vi mô I	MIC111	3							
14.	Kinh tế vĩ mô	MAC201		3						
15.	Nguyên lý thống kê kinh tế	PES202			3					
16.	Phân tích định lượng	QNA204				3				
17.	Cơ sở khoa học môi trường	FES201				2				
18.	Lý thuyết kế toán	ACT202				3				
19.	Quản trị học	MNM101	2							
20.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	GIRS103					2			
21.	Kinh tế đầu tư	INE202				2				
22.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	HETH202				2				
II.2	Kiến thức ngành									
23.	Kinh tế vi mô II	IME222			3					
24.	Kinh tế công cộng	PLE202				3				
25.	Phân tích chi phí - lợi ích	CBA203					3			
26.	Kinh tế học biến đổi khí hậu	ECC202					2			
27.	Kinh tế tài nguyên I	EOR213						5		
28.	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	ERM203					2			
29.	Kế toán tài chính	FACT203					2			
30.	Tiếp cận cộng đồng trong quản	CORM203							2	

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
	lý tài nguyên									
31.	Thương mại và tài nguyên môi trường	CRE203					2			
32.	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	EVT202						2		
33.	Kiểm toán môi trường	EAD213						2		
34.	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	REPM203						3		
35.	Hạch toán quản lý môi trường	EMA204							3	
36.	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	REV203						3		
37.	Kinh tế môi trường	EVE202				3				
38.	Kinh tế tài nguyên biển	MRE212						2		
39.	Kiến tập 1	ITSE212			3					
40.	Kiến tập 2	ITSE223					3			
41.	Đề án môn học-Kinh tế tài nguyên và môi trường	IDSE204							3	
II.3	Thực tập và Đồ án tốt nghiệp									
42.	Thực tập tốt nghiệp	ITS204								6
43.	Khóa luận tốt nghiệp	DTT204								6
II.4	Kiến thức chuyên sâu									
II.4.1 Kinh tế tài nguyên và môi trường										
44.	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	REEM204							5	
45.	Kinh tế tài nguyên II	EOR224							4	
II.4.2 Kinh tế tài nguyên biển										
44.	Kinh tế sinh thái đại dương và bờ biển	EEOC203							3	
45.	Đánh giá thiệt hại kinh tế ô nhiễm môi trường biển	AELP204							2	
46.	Quản lý kinh tế tài nguyên sinh vật biển	EMLR204							4	
III.	Khối kiến thức bổ trợ, tự chọn									

TT	Tên học phần	Mã học phần	Số tín chỉ theo học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
III.1	Khối kiến thức tự chọn									
1.	Tâm lý quản lý	POM101	2/4							
2.	Lịch sử các học thuyết kinh tế	HETH202								
3.	Kinh tế đầu tư	INE202	2/4							
4.	Quản lý nhà nước về kinh tế	SME203								
5.	Tài chính công	PLF203	2/4							
6.	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	GIRS103								
7.	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	CORM203	2/4							
8.	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	SEDF203								
9.	Du lịch sinh thái	ECT202	2/4							
10.	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	EVT202								
11.	Thống kê tài nguyên và môi trường	SRE203	2/6							
	Đánh giá tác động môi trường	EIA424								
	Kiểm toán môi trường	EAD213								
III.2	Khối kiến thức bổ trợ									
1.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	NREM204								3
2.	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	EEM204								3
	Tổng (*) =130									

Ghi chú: (*) Không kể GDTC và GDQP-AN

4.5. Mô tả vắn tắt nội dung và khối lượng các học phần

1) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 1 2TC

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Khái lược về chủ nghĩa Mac – Lênin và một số vấn đề chung của môn học cũng như nội dung cơ bản về thế giới quan

và phương pháp luận của chủ nghĩa Mac – Lênin bao gồm: chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

2) Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê Nin 2 3 TC

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Ba nội dung trọng tâm thuộc học thuyết kinh tế của chủ nghĩa Mac – Lênin về phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa, những nội dung cơ bản thuộc lý luận của chủ nghĩa Mac – Lênin về chủ nghĩa xã hội khoa học và khái quát về hiện thực và triển vọng của chủ nghĩa xã hội.

3) Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam 3TC

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Sự ra đời của Đảng cộng sản Việt Nam và cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng, đường lối đấu tranh giành chính quyền 1930 – 1945; đường lối kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược 1945 – 1975; đường lối công nghiệp hóa; đường lối xây dựng nền kinh tế thị trường đường lối xã hội chủ nghĩa; đường lối xây dựng hệ thống chính trị; đường lối xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội; đường lối đối ngoại.

4) Tư tưởng Hồ Chí Minh 2TC

Sinh viên cần đạt được các nội dung: Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; tư tưởng Hồ Chí Minh về 6 vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam đó là: dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc, về CNXH và con đường quá độ lên CNXH ở Việt Nam, về Đảng cộng sản Việt Nam, về vấn đề đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế, về xây dựng nhà nước của dân, do dân và vì dân, về văn hóa đạo đức và xây dựng con người mới.

5) Kỹ năng mềm 2TC

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về kỹ năng giao tiếp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng tìm kiếm việc làm.

6) Pháp luật đại cương 2 TC

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật; kiến thức cơ bản về một số ngành luật như Luật Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hình sự, Luật Hành chính, Luật Lao động... trong hệ thống pháp luật Việt Nam, từ đó giúp

người học nâng cao sự hiểu biết về vai trò, tầm quan trọng của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống.

7) Tiếng Anh 1

3 TC

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản nhất về ngữ pháp (thì hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn và quá khứ đơn, tính từ sở hữu, đại từ và tính từ chỉ định, đại từ tân ngữ); các chủ điểm quen thuộc, gần gũi nhất với người học như bản thân, gia đình, cuộc sống hàng ngày.

8) Tiếng Anh 2

3 TC

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản về các thời, thể ngữ pháp tiếng Anh trình độ tiền trung cấp; các từ vựng cơ bản về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc, du lịch... và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp.

9) Tiếng Anh 3

2 TC

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức nâng cao (trình độ trung cấp) trong việc sử dụng từ, ngữ pháp phổ biến, phân biệt văn phong học thuật và văn phong hội thoại, cách dựng câu...; Phương pháp thuyết trình khoa học và các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ trung cấp.

10) Toán cao cấp

3 TC

Nội dung học phần bao gồm: Một số kiến thức cơ bản về giải tích toán học như: hàm số, ma trận, vi phân, tích phân (tích phân bất định, tích phân xác định, tích phân suy rộng) để sinh viên có đủ khả năng tiếp thu các kiến thức cơ sở và chuyên môn; luyện khả năng tư duy lôgic, phương pháp phân tích định lượng các vấn đề kinh tế để ứng dụng khi học các học phần nâng cao.

11) Tin học đại cương

2 TC

Nội dung học phần bao gồm: một số kiến thức đại cương về tin học như; một số hệ điều hành thông dụng và các chương trình ứng dụng MS Word, Excel và Powerpoint.

12) Xác suất thống kê

2 TC

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về biến cố ngẫu nhiên và xác suất (các khái niệm cơ bản về xác suất, tính chất, công thức tính xác suất); Đại lượng ngẫu nhiên (khái niệm đại lượng ngẫu nhiên, quy luật phân phối xác suất của đại lượng ngẫu

nhiên, các tham số đặc trưng của đại lượng ngẫu nhiên và một số quy luật phân phối thông dụng); lý thuyết mẫu (khái niệm mẫu, các số đặc trưng mẫu và bài toán ước lượng tham số).

13) Giáo dục thể chất

5TC

Bao gồm phần bắt buộc và phần tự chọn:

* Phần bắt buộc (3TC)

(1) Thể dục (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: những kiến thức cơ bản trong công tác giáo dục thể chất (nhiệm vụ và chức năng của sinh viên, các hình thức giáo dục thể chất trong trường đại học; cấu trúc cơ bản của vận động thông qua một số bài thể dục cơ bản, giúp cho SV có được tư thế tác phong nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và nâng cao thể lực.

(2) Điền kinh 1 (1TC) và Điền kinh 2 (1TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức cơ bản trong môn chạy cự ly trung bình, cự ly ngắn và môn nhảy cao; phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài điền kinh.

* Phần tự chọn (2TC): SV chọn một trong các môn học sau (mỗi môn học bao gồm 2 học phần):

(1) Bóng chuyền 1 (1TC) và Bóng chuyền 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức cơ bản về luật và phương pháp tổ chức thi đấu môn bóng chuyền; một số kỹ thuật cơ bản trong bóng chuyền nhằm chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(2) Cầu lông 1(1TC) và Cầu lông 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: các kiến thức về lịch sử ra đời và phát triển môn cầu lông trên thế giới và Việt Nam, tác dụng của tập luyện và thi đấu; kỹ thuật, chiến thuật trong thi đấu cầu lông. Luật và phương pháp tổ chức thi đấu, trọng tài môn cầu lông, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(3) Bơi lội 1(1TC) và Bơi lội 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: một số kiến thức và kỹ thuật cơ bản về bơi lội thông qua các bài tập, giúp SV chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

(4) Bóng rổ 1 (1TC) và Bóng rổ 2 (1TC):

Nội dung bao gồm: những kiến thức cơ bản về môn bóng rổ thông qua các bài tập, giúp SV có được tư thế tác phong, chuẩn mực hoá kỹ năng vận động và tăng cường thể chất.

14) Giáo dục Quốc phòng - An ninh

8TC

Bao gồm 3 học phần: Đường lối quân sự của Đảng; Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

(1) Đường lối quân sự của Đảng (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quan đội và bảo vệ tổ quốc; Xây dựng nền quốc phòng toàn dân và lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam, Nghệ thuật quân sự Việt Nam.

(2) Công tác quốc phòng – an ninh và Quân sự chung (2TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức về chiến lược diễn biến hòa bình, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam và những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự, an toàn xã hội.

(3) Quân sự chung, chiến thuật và kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK (3TC):

Nội dung học phần bao gồm: các kiến thức chung về quân sự phổ thông, những kỹ năng quân sự cần thiết nhằm đáp ứng yêu cầu xây dựng, củng cố lực lượng vũ trang nhân dân, sẵn sàng tham gia lực lượng dân quân tự vệ, dự bị động viên và nghĩa vụ quân sự bảo vệ tổ quốc.

15) Tài chính - Tiền tệ

3 TC

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản nhất về mối quan hệ kinh tế giữa các thực thể tài chính phát sinh trong quá trình hình thành, phân phối và sử dụng các nguồn lực tài chính. Giới thiệu cấu trúc, sự hoạt động của các khâu trong hệ thống tài chính như: tài chính Nhà nước, tài chính khu vực phi tài chính, tài chính của khu vực tài chính, tài chính các hộ gia đình và tài chính các tổ chức xã hội trong nền kinh tế thị trường mở.

16) Kinh tế vi mô 1

3 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: lý thuyết về cầu - cung hàng hóa và giá cả hàng hóa trên thị trường; lý thuyết về sản xuất (tối đa hóa sản lượng), về chi phí sản xuất (tối thiểu hóa chi phí) và về lợi nhuận (tối đa hóa lợi nhuận); Các lý

thuyết về cấu trúc của thị trường hàng hóa (thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo) và nguyên tắc tối đa hóa lợi nhuận của doanh nghiệp hoạt động trong các thị trường này. Đồng thời, học phần cũng nghiên cứu hành vi của các doanh nghiệp, người tiêu dùng; phân tích các yếu tố xác định giá và lượng trong thị trường hàng hoá và thị trường các yếu tố sản xuất. Ý nghĩa của các loại cơ cấu thị trường.

17) Kinh tế vĩ mô

3 TC

Nội dung học phần bao gồm: Một số khái niệm cơ bản của kinh tế vĩ mô, như: Đo lường tổng sản lượng và mức giá của nền kinh tế; Mô tả hành vi của nền kinh tế trong dài hạn: Các nhân tố quy định tăng trưởng kinh tế, thất nghiệp và lạm phát trong dài hạn; Giới thiệu những tư tưởng chính về tổng cung, tổng cầu và cân bằng kinh tế vĩ mô; Lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn; Giới thiệu các vấn đề kinh tế vĩ mô của một nền kinh tế mở bao gồm cán cân thanh toán, tỷ giá hối đoái và các chính sách thương mại.

18) Nguyên lý thống kê kinh tế

2 TC

Nội dung học phần bao gồm: những lý luận về khoa học thống kê: Mặt lượng trong mối quan hệ với mặt chất của các hiện tượng kinh tế - xã hội số lớn gắn liền với những điều kiện về không gian và thời gian cụ thể. Trên cơ sở đó tập trung vào nghiên cứu quá trình tổ chức điều tra, tổng hợp số liệu, phân tích và dự đoán các hiện tượng kinh tế-xã hội.

19) Phân tích định lượng

3TC

Nội dung học phần bao gồm: Giới thiệu cách sử dụng các công cụ toán học và phương pháp luận thống kê trong nghiên cứu phân tích các hiện tượng kinh tế. Học phần tập trung nghiên cứu cách xây dựng mô hình toán khi biết mối quan hệ giữa các yếu tố kinh tế, cách đưa các số liệu vào mô hình và cách giải các mô hình, tìm ra các vấn đề và cách khắc phục các vấn đề đó trong các mô hình, đưa ra các dự báo về hiện tượng kinh tế xã hội sát với thực tế qua những con số hay luận điểm cụ thể.

20) Cơ sở khoa học môi trường

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những kiến thức chung liên quan đến môi trường và khoa học môi trường, các thành phần cơ bản của môi trường, tài nguyên thiên nhiên, ô nhiễm môi trường; Các vấn đề về dân số, lương thực thực phẩm, năng lượng và phát triển bền vững

21) Lý thuyết kế toán**3 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về: Khái niệm, đối tượng, nguyên tắc, chức năng nhiệm vụ, vai trò của kế toán; Các phương pháp kế toán và việc vận dụng các phương pháp kế toán vào quá trình kế toán các hoạt động chủ yếu của một loại hình đơn vị cụ thể.

22) Quản trị học**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những vấn đề căn bản của quản trị, các học thuyết quản trị, môi trường quản trị, thông tin quản trị, ra quyết định trong quá trình quản trị và bốn chức năng cơ bản của nhà quản trị đó là chức năng hoạch định, chức năng tổ chức, chức năng lãnh đạo, chức năng kiểm tra.

23) Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp những kiến thức cơ bản về viễn thám, bộ cảm biến và các vệ tinh viễn thám; Giới thiệu về ảnh vệ tinh quang học, các phương pháp xử lý ảnh vệ tinh quang học; thuật toán phân loại ảnh vệ tinh quang học; Giới thiệu khái quát về GIS, khái niệm cơ bản về GIS, các thành phần của GIS, lịch sử phát triển GIS. Trình bày những nguyên lý cơ bản về các kiểu cấu trúc dữ liệu thường gặp trong các hệ thống thông tin địa lý hiện hành. Nhập và xây dựng cơ sở dữ liệu là một công đoạn quan trọng trong ứng dụng GIS. Trên cơ sở dữ liệu được xây dựng, hầu hết các ứng dụng phải tiến hành phân tích và xử lý dữ liệu để cho ra kết quả cụ thể theo mục đích ứng dụng.

24) Kinh tế đầu tư**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về đầu tư phát triển như bản chất đầu tư phát triển, các nguồn hình thành vốn đầu tư, quản lý đầu tư. Bên cạnh đó, học phần còn làm rõ cơ sở khoa học và nội dung cơ bản của lập, thẩm định dự án đầu tư cũng như đấu thầu trong các dự án đầu tư và quản lý đầu tư. Đặc biệt, học phần cung cấp hệ thống các chỉ tiêu để phân tích, đánh giá kết quả và hiệu quả của đầu tư phát triển. Học phần cung cấp cho sinh viên có những kiến thức cơ bản để phân biệt đầu tư phát triển với những loại hình đầu tư khác trong thực tế, từ đây sinh viên có những cách thức đánh giá hiệu quả tài chính, kinh tế - xã hội của những dự án khác nhau. Học phần giúp sinh viên nắm được những cách thức lập dự án và thẩm định các dự án đầu tư trong thực tế.

25) Lịch sử các học thuyết kinh tế**2TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Những nội dung cơ bản của lịch sử các học thuyết kinh tế nhằm đáp ứng yêu cầu tìm hiểu về lịch sử phát triển của khoa học kinh tế cho sinh viên; giới thiệu những quan điểm tư tưởng và học thuyết kinh tế cơ bản của các nhà kinh tế tiêu biểu thuộc các trường phái qua các thời đại lịch sử như lý thuyết kinh tế của William Petty, những đóng góp về kinh tế của K.Marx, F.Engls... Lý thuyết về lợi thế so sánh, lợi thế tuyệt đối, học thuyết kinh tế của AdamSmith, lý thuyết “năng suất giới hạn” của Mỹ...

26) Kinh tế vi mô 2**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần cung cấp cho sinh viên lý thuyết về các mô hình kinh tế, những lý thuyết về cầu; lựa chọn trong điều kiện rủi ro; lý thuyết về hãng; cấu trúc thị trường; thị trường yếu tố sản xuất như thị trường lao động, thị trường vốn và thị trường đất đai; vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường và các biện pháp can thiệp của chính phủ vào thị trường nhằm khắc phục những thất bại của thị trường.

27) Kinh tế công cộng**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế công cộng tập trung nghiên cứu về vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường, cách thức can thiệp và phương pháp đánh giá các tác động của các công cụ chính sách mà chính phủ sử dụng để điều tiết nền kinh tế. Môn học cung cấp một số các khái niệm cơ bản như chính phủ, khu vực công cộng, thất bại thị trường.... Môn học tập trung nghiên cứu về các vai trò của chính phủ đối với các thất bại của thị trường, cách thức chính phủ khắc phục các thất bại đó và đánh giá về hoạt động của chính phủ trong việc khắc phục các thất bại thị trường.

28) Phân tích chi phí - lợi ích**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Phân tích chi phí - lợi ích trang bị cho sinh viên khối ngành kinh tế những kiến thức cơ bản về phương pháp phân tích chi phí - lợi ích được sử dụng trong việc lựa chọn các phương án khác nhau để thực hiện một dự án đầu tư. Phân tích chi phí - lợi ích là một quá trình nhận dạng, đo lường và so sánh các lợi ích và chi phí xã hội của một dự án đầu tư hay một chương trình nhằm xem xét việc phân bổ nguồn lực khan hiếm vào các mục đích sử dụng hiệu

quả nhất. Cùng với nhiều kiến thức bổ trợ khác, học phần cung cấp cho người đọc một trong những công cụ phân tích kinh tế hữu ích nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định xem xét, đánh giá và quyết định lựa chọn những phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội.

29) Kinh tế học biến đổi khí hậu

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế học biến đổi khí hậu nghiên cứu các vấn đề biến đổi khí hậu, ứng phó với biến đổi khí hậu với viễn cảnh và những ý tưởng phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, cách tiếp cận kinh tế trong ứng phó với biến đổi khí hậu, từ đó đưa ra các giải pháp, các chính sách để kiểm soát các tác động từ biến đổi khí hậu đến hoạt động của con người, hướng đến phát triển bền vững trên phạm vi toàn cầu.

30) Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường

3 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về định giá kinh tế tài nguyên và môi trường - một trong những công cụ phân tích kinh tế nhằm cung cấp thông tin cho người ra quyết định đánh giá và lựa chọn được phương án tốt nhất xét về khía cạnh đóng góp phúc lợi cho xã hội đi đôi với bảo vệ tài nguyên, môi trường. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào các vấn đề cơ bản sau: Tổng quan về cơ sở lý thuyết của định giá kinh tế tài nguyên và môi trường; Giới thiệu các phương pháp định giá kinh tế tài nguyên và môi trường; Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường ở Việt Nam và trên thế giới.

31) Phương pháp nghiên cứu kinh tế

2TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những kiến thức cơ bản về phương pháp nghiên cứu trong quản lý và kinh doanh như: (1) Tổng quan về nghiên cứu kinh tế: giới thiệu về khái niệm, vai trò, phân loại và qui trình nghiên cứu kinh tế. (2). Xác định vấn đề nghiên cứu kinh tế: giới thiệu chung về khái niệm và phân loại vấn đề nghiên cứu kinh tế; tầm quan trọng và phương pháp xác định vấn đề nghiên cứu. (3). Thiết kế nghiên cứu: giới thiệu chung về khái niệm thiết kế nghiên cứu, quy trình thiết kế nghiên cứu. Trong đó nhấn mạnh các nội dung: Đặt tên đề tài nghiên cứu, tổng quan vấn đề nghiên cứu, xác định phương pháp luận nghiên cứu, xây dựng khung logic, xác định các nguồn lực cần thiết cho nghiên cứu. Đồng

thời giới thiệu phương pháp thiết kế công cụ thu thập dữ liệu. (4). Chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu kinh tế: giới thiệu những kiến thức về chọn mẫu và các phương pháp sử dụng để thu thập và xử lý các số liệu thứ cấp và sơ cấp. (5). Xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu nghiên cứu: giới thiệu các kiến thức về các phương pháp xử lý dữ liệu, phân tích số liệu định tính và định lượng và phương pháp trình bày kết quả phân tích. (6). Trình bày báo cáo nghiên cứu: giới thiệu các dạng báo cáo nghiên cứu, cấu trúc cũng như cách trình bày đề cương nghiên cứu, báo cáo khoa học.

32) Kế toán tài chính

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cung cấp cho người học kiến thức chuyên môn về kế toán tài chính doanh nghiệp bao gồm lập chứng từ các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh; nội dung; phương pháp ghi chép trên các tài khoản kế toán; sổ sách kế toán tổng hợp và việc lập hệ thống báo cáo tài chính.

33) Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên nghiên cứu những nội dung cơ bản về cộng đồng và phát triển cộng đồng: Khái niệm cộng đồng, khái niệm phát triển cộng đồng, mục tiêu, nội dung, nguyên lý của phát triển cộng đồng, tiến trình phát triển cộng đồng, sự tham gia, năng lực tự quản, các mâu thuẫn trong cộng đồng; khái niệm và vai trò của quản lý tài nguyên; khái niệm và sự cần thiết của tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Các nguồn lực cho phát triển cộng đồng; các công cụ thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong quản lý tài nguyên; Sự tham gia của cộng đồng; sự tham gia của cộng đồng trong quản lý một số tài nguyên ở Việt Nam.

34) Thương mại và tài nguyên môi trường

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần Thương mại và tài nguyên môi trường mô tả và phân tích về mối quan hệ không thể tách rời giữa thương mại, tài nguyên môi trường hướng đến mục tiêu phát triển bền vững. Học phần nêu nội dung các hiệp định trong WTO liên quan đến môi trường và các thỏa thuận quốc tế về vấn đề môi trường. Đồng thời liên hệ với tình hình thực tiễn áp dụng tại Việt Nam. Ngoài ra, hiểu biết về xu hướng phát triển mới của thương mại quốc tế có đề cập đến môi trường và sự phát triển bền vững cho thương mại và môi trường trong nước và trên thế giới.

35) Kiểm soát ô nhiễm môi trường**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Các khái niệm về kiểm soát ô nhiễm môi trường, chức năng nhiệm vụ quản lý nhà nước về kiểm soát ô nhiễm môi trường; Bốn trụ cột trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các quy định pháp luật liên quan đến kiểm soát ô nhiễm môi trường; Các thủ tục hành chính trong kiểm soát ô nhiễm môi trường; Hướng dẫn các hoạt động kiểm soát ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí, nhập khẩu phế liệu, kiểm soát ô nhiễm hóa chất; Hướng dẫn xây dựng kế hoạch kiểm soát ô nhiễm môi trường.

36) Kiểm toán môi trường**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những kiến thức cơ bản về kiểm toán và kiểm toán môi trường, phương pháp kiểm toán môi trường và quy trình thực hiện kiểm toán chất thải.

37) Kinh tế tài nguyên 1**5 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất, khái quát nhất về tài nguyên và kinh tế tài nguyên; Những nội dung cơ bản về đất đai, cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất, đặc biệt học phần tập trung vào việc phân tích kinh tế, xã hội trong việc sử dụng đất; khái quát về kinh tế thủy sản, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác thủy sản, một số công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; một số nét chung về tài nguyên rừng, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý rừng.

38) Kinh tế tài nguyên 2**4 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Khái quát về chung về tài nguyên nước như khái niệm, đặc điểm, vai trò của nước, các nguyên nhân dẫn đến sự khan hiếm nguồn nước; thị trường nước; phân tích một số dự án tài nguyên nước, các biện pháp tăng cường hiệu quả sử dụng nước; Khái quát chung về tài nguyên khoáng sản như khái niệm, đặc điểm; các mô hình cơ bản trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản; Những đặc trưng của tài nguyên năng lượng, mối quan hệ giữa năng lượng và tăng trưởng kinh tế; vấn đề giá năng lượng và sự phát triển của ngành năng lượng tại Việt Nam; Vai trò, lợi ích cũng như sự cần thiết của bảo tồn đa dạng sinh học; bảo tồn đa dạng sinh học có hiệu quả về chi phí; thực trạng bảo tồn đa dạng sinh học ở Việt Nam.

39) Quản lý dự án tài nguyên và môi trường**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Quản lý dự án tài nguyên và môi trường tập trung nghiên cứu về các hoạt động trong quản lý dự án tài nguyên và môi trường. Môn học cung cấp một số khái niệm cơ bản như dự án, quản lý dự án, tầm quan trọng của quản lý các dự án tài nguyên và môi trường. Môn học tập trung cung cấp các nội dung cơ bản của hoạt động quản lý dự án tài nguyên và môi trường bao gồm lập kế hoạch, điều phối thực hiện dự án, đánh giá và giám sát dự án...

40) Hạch toán quản lý môi trường**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về hạch toán quản lý môi trường; Phương pháp hạch toán quản lý nguyên vật liệu và năng lượng; Phương pháp hạch toán chi phí môi trường và lợi ích môi trường; Hướng dẫn phương pháp lập Báo cáo chi phí - lợi ích môi trường; Phương pháp thẩm định đầu tư môi trường.

41) Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường**5 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Cơ sở lý luận và thực tiễn trong quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường; Quản lý nhà nước về môi trường; Quản lý tài nguyên; Quản lý môi trường trong doanh nghiệp.

42) Kinh tế môi trường**3 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Kinh tế môi trường nghiên cứu các vấn đề về môi trường với viễn cảnh và những ý tưởng, phân tích của kinh tế học. Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường. Học phần cung cấp các khái niệm cơ bản về kinh tế môi trường như ngoại ứng, thuế ô nhiễm tối ưu, thị trường Quota ô nhiễm, trợ cấp giảm thải, tiêu chuẩn môi trường...bao hàm trong các vấn đề: Những khái niệm ban đầu về môi trường; mối quan hệ giữa kinh tế và môi trường; các vấn đề kinh tế về ô nhiễm môi trường.

43) Kinh tế tài nguyên biển**2 TC**

Nội dung học phần bao gồm: Những vấn đề như: Tài nguyên biển, Môi trường biển, Ô nhiễm môi trường biển, Bảo vệ môi trường biển, Phát triển bền vững kinh tế

tài nguyên biển, Quản lý tổng hợp vùng ven biển. Học phần còn cung cấp những kiến thức thực tiễn về Kinh tế Tài nguyên Biển ở Việt Nam và một số quốc gia châu Á, thông qua đó rút ra những bài học kinh nghiệm trong phát triển kinh tế Tài nguyên Biển ở Việt Nam.

44) Kiến tập 1

3 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập; Giới thiệu chung về đơn vị thực tập, Cơ cấu tổ chức của đơn vị thực tập; Tìm hiểu trữ lượng tài nguyên, thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên; Tìm hiểu thực trạng ô nhiễm môi trường và các cách xử lý ô nhiễm môi trường; Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập.

45) Kiến tập 2

3 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tìm hiểu chung về đơn vị thực tập; Tìm hiểu thực trạng khai thác và quản lý tài nguyên; Tìm hiểu thực trạng quản lý ô nhiễm môi trường và các cách xử lý ô nhiễm môi trường; Phân tích thuận lợi và khó khăn trong khai thác, quản lý tài nguyên và môi trường tại Việt Nam; Lượng giá được giá trị tài nguyên và môi trường tại nơi kiến tập; Viết báo cáo sau quá trình đi kiến tập.

46) Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường

3 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Đề án môn học chuyên ngành là một công trình nghiên cứu khoa học độc lập của sinh viên dựa trên cơ sở thu thập dữ liệu thứ cấp để làm rõ hơn, sâu hơn một vấn đề của môn học chuyên ngành, là bước khởi đầu trong quá trình nghiên cứu khoa học của sinh viên.

47) Kinh tế sinh thái đại dương và bờ biển

3 TC

Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm liên quan đến sinh thái đại dương và bờ biển, sự đa dạng sinh học đại dương, các yếu tố kinh tế tác động đến sinh thái vùng bờ và đại dương; giá trị phi thị trường của dịch vụ hệ sinh thái vùng ven biển, giá bóng hệ sinh thái và định giá hệ sinh thái biển từ sự tiếp cận sinh học, các mô hình sinh thái hợp nhất cho quản lý biển, quyền sở hữu tài sản nhằm đạt sự phát triển bền vững cho các đại dương, những thách thức trong tương lai đối với kinh tế sinh thái đại dương và bờ biển.

48) Đánh giá thiệt hại kinh tế ô nhiễm môi trường biển

2 TC

Nội dung học phần bao gồm: các khái niệm và lý thuyết kinh tế liên quan đến ô

nhiễm môi trường biển như: môi trường biển, ô nhiễm môi trường biển, các ảnh hưởng của ô nhiễm môi trường biển đến các hoạt động kinh tế biển; tầm quan trọng của đánh giá giá trị thiệt hại kinh tế ô nhiễm môi trường biển; các phương pháp đánh giá giá trị thiệt hại kinh tế ô nhiễm môi trường biển như: phương pháp đánh giá ngẫu nhiên, phương pháp chi phí đi lại, phương pháp chuyên lợi ích.

49) Quản lý kinh tế tài nguyên sinh vật biển

4 TC

Nội dung học phần bao gồm: khái niệm và phân loại tài nguyên sinh vật biển; sự cần thiết của quản lý tài nguyên sinh vật biển; các vấn đề liên quan đến việc quản lý và bảo tồn tài nguyên sinh vật biển như: giá trị kinh tế và tính bền vững, đánh bắt quá mức; thị trường và giá của các sản phẩm thủy hải sản; quản lý tài nguyên biển và giá trị phi thị trường; các phương pháp chính được sử dụng để thu thập và phân tích số liệu kinh tế xã hội liên quan đến thủy sản đáp ứng nhu cầu cung cấp thông tin cho người ra quyết định và các bên liên quan, nhằm giải quyết vấn đề làm thế nào để xã hội khai thác hiệu quả các nguồn tài nguyên sinh vật biển.

50) Thực tập tốt nghiệp

6 TC

Nội dung học phần bao gồm: Sinh viên tìm hiểu về tổ chức và hoạt động chung của đơn vị thực tập; Tìm hiểu về các hoạt động khai thác và quản lý, lượng giá giá trị tài nguyên môi trường, phân tích chi phí - lợi ích trong lựa chọn phương án khai thác quản lý tài nguyên và môi trường; Thực tập các hoạt động trong khai thác và quản lý tài nguyên, môi trường.

51) Khóa luận tốt nghiệp

6 TC

Nội dung: thực hiện theo yêu cầu của Khoa, Bộ môn và giảng viên hướng dẫn.

52) Tâm lý quản lý

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: những vấn đề chung của tâm lý học quản lý; đặc điểm tâm lý của đối tượng quản lý; tâm lý trong công tác lãnh đạo và tâm lý trong việc quản lý và sử dụng con người; và những hiện tượng tâm lý trong tập thể lao động.

53) Quản lý nhà nước về kinh tế

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần này cung cấp những kiến thức cơ bản có hệ thống về quản lý Nhà nước nói chung, quản lý Nhà nước về kinh tế nói riêng, bao gồm: Nhà nước và quản lý Nhà nước, đặc điểm, đối tượng của

quản lý Nhà nước về kinh tế, mục tiêu, nguyên tắc, công cụ và phương pháp quản lý Nhà nước về kinh tế, các chức năng cơ bản của quản lý Nhà nước về kinh tế, văn bản và quyết định trong quản lý Nhà nước về kinh tế, cơ cấu và công chức trong bộ máy quản lý Nhà nước về kinh tế.

54) Tài chính công

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Các vấn đề cơ bản về tài chính công như hoạt động và cách thức tổ chức, các bộ phận cấu thành của khu vực tài chính công, ngân sách nhà nước, nguyên tắc Ngân sách nhà nước, các vấn đề về hệ thống và chu trình ngân sách nhà nước. Đồng thời đi sâu vào các vấn đề chính bao gồm thu ngân sách nhà nước, chi ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước và các vấn đề về các quỹ ngoài ngân sách nhà nước.

55) Dự báo phát triển kinh tế xã hội

2 TC

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Chương 1. Những vấn đề cơ bản của dự báo kinh tế xã hội: Trình bày các nguyên tắc cơ bản trong dự báo; trên cơ sở phân loại dự báo đề ra tiêu chuẩn lựa chọn phương pháp dự báo phát triển kinh tế xã hội. Chương 2. Một số phương pháp dự báo thông dụng: Trình bày nội dung, ưu nhược điểm của một số phương pháp được sử dụng trong thực tiễn dự báo như: Phương pháp san mũ, phương pháp thời vụ, phương pháp bằng mô hình hồi quy, phương pháp ARIMA, phương pháp chuyên gia. Chương 3. Dự báo các nguồn lực phát triển kinh tế: Trình bày sự vận dụng một số phương pháp dự báo để dự báo các nguồn lực phát triển kinh tế xã hội như: sự tiến bộ khoa học – kỹ thuật, dân số và nguồn nhân lực, vốn đầu tư và vốn sản xuất. Chương 4. Dự báo cầu thị trường: Trình bày những vấn đề cơ bản của cầu thị trường và ý nghĩa quan trọng của việc dự báo cầu thị trường. Trên cơ sở đó, trình bày các phương pháp dự báo cầu thị trường. Chương 5. Dự báo tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu: Trình bày vai trò, nhiệm vụ của dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Trên cơ sở phân tích các nhân tố ảnh hưởng, từ đó trình bày phương pháp dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế và dự báo chuyển dịch cơ cấu kinh tế.

56) Du lịch sinh thái

2 TC

Học phần Du lịch sinh thái cung cấp cho sinh viên các nội dung như sau: các khái niệm về du lịch sinh thái, tài nguyên du lịch sinh thái. Các kiến thức, phương pháp và kỹ năng xây dựng quy hoạch và thiết kế du lịch sinh thái.

57) Thống kê tài nguyên và môi trường**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm 6 chương giới thiệu những vấn đề cơ bản trong quá trình thống kê tài nguyên và môi trường. Chương 1. Những vấn đề cơ bản của thống kê tài nguyên và môi trường: giới thiệu những kiến thức chung thống kê, đối tượng và phạm vi nghiên cứu thống kê tài nguyên và môi trường, phương pháp luận và nhiệm vụ của thống kê; Chương 2. Thống kê tài nguyên đất: giới thiệu những kiến thức về đất đai, phân loại đất và một số phương pháp tính tài nguyên đất; Chương 3. Thống kê tài nguyên nước: giới thiệu những kiến thức về nước, phân loại nước và một số phương pháp tính tài nguyên nước; Chương 4. Thống kê tài nguyên khoáng sản: giới thiệu những kiến thức về khoáng sản, phân loại khoáng sản và một số phương pháp tính tài nguyên khoáng sản; Chương 5. Thống kê tài nguyên môi trường: giới thiệu những kiến thức về môi trường, khí tượng thủy văn, biến đổi khí hậu và biển đảo Việt nam; Chương 6. Thống kê lao động: giới thiệu về lao động, số lượng, chất lượng, năng suất lao động và thu nhập của lao động trong ngành tài nguyên và môi trường.

58) Đánh giá tác động môi trường**2 TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về đánh giá tác động môi trường; Trình tự thực hiện đánh giá tác động môi trường; Các phương pháp dùng trong đánh giá tác động môi trường

59) Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Tổng quan về kinh tế tài nguyên trong đó sẽ đưa ra những nét chung nhất về tài nguyên và kinh tế tài nguyên; Những nội dung cơ bản về đất đai, cơ sở lý thuyết của kinh tế tài nguyên đất, đặc biệt học phần tập trung vào việc phân tích kinh tế, xã hội trong việc sử dụng đất; khái quát về kinh tế thủy sản, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác thủy sản, một số công cụ sử dụng trong quản lý thủy sản; một số nét chung về tài nguyên rừng, mô hình sinh học và mô hình kinh tế khai thác gỗ và quản lý rừng. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp một số công cụ chính để quản lý tài nguyên đất, tài nguyên nước, và tài nguyên

60) Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường**3TC**

Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: Học phần tập trung vào việc nghiên cứu nguyên nhân và cách thức con người gây ô nhiễm môi trường; từ đó đề ra

những quy định, những chính sách kiểm soát ô nhiễm để giảm được suy thoái môi trường; Mô hình quản lý kinh tế môi trường ở góc độ vi mô và góc độ vĩ mô.

4.6 Thông tin về các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình

4.6.1. Cơ sở vật chất phục vụ đào tạo và nghiên cứu

4.6.1.1. Thống kê diện tích đất, diện tích sàn xây dựng, ký túc xá:

Trụ sở chính:

- Tổng diện tích đất của Trường: 69.485 m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa: 25.787m²
- Số chỗ ở ký túc xá sinh viên: 2000 chỗ ở.

4.6.1.2. Thống kê các phòng thực hành, phòng thí nghiệm và các trang thiết bị

TT	Tên	Các trang thiết bị chính
1	Phòng thực hành máy Trung tâm Công nghệ thông tin	Bao gồm 22 phòng máy với hơn 1100 máy tính cấu hình cao được sử dụng để phục vụ công tác đào tạo

4.6.1.3. Thống kê phòng học

TT	Loại phòng	Số lượng
1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	04
2	Phòng học từ 100 – 200 chỗ	6
3	Phòng học từ 50-100 chỗ	160
4	Số phòng học dưới 50 chỗ	24
5	Số phòng học đa phương tiện	66

4.6.1.4. Thống kê về học liệu (kể cả e-book, cơ sở dữ liệu điện tử) trong thư viện

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
1	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin I	Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ đạo biên soạn (2011), <i>Giáo trình Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin</i> , Nhà xuất bản Chính trị quốc gia
2	Đường lối cách mạng của Đảng Cộng	Bộ Giáo dục và Đào tạo (2011), <i>Giáo</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
	sản Việt Nam	<i>trình Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam</i> (Dành cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh), Nxb CTQG, HN.
3	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ giáo dục và đào tạo (2013), <i>Giáo trình tư tưởng Hồ Chí Minh</i> , NXB Chính trị quốc gia- Sự thật, Hà Nội.
4	Kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm	<p>1. Hoàng Thị Thu Hiền, Bùi Thị Bích, Nguyễn Như Khương, Nguyễn Thanh Thủy (2014), <i>Giáo trình kỹ năng mềm - Tiếp cận theo hướng sư phạm tương tác</i>, NXB Đại học quốc gia TP.Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Nguyễn Văn Đồng (2011), <i>Giáo trình Tâm lý học giao tiếp</i>, NXB Chính trị - Hành chính.</p> <p>3. Dương Thị Liễu (2013), <i>Kỹ năng thuyết trình</i>, NXB Kinh tế quốc dân.</p>
5	Pháp luật đại cương	<p>1. TS. Lê Minh Toàn (chủ biên) (2009), <i>Pháp luật đại cương</i>, NXB Chính trị Quốc gia, Hà Nội.</p> <p>2. Trường Đại học Luật Hà Nội (2009), <i>Giáo trình Lý luận Nhà nước và Pháp luật</i>, NXB Công An Nhân Dân, Hà Nội</p> <p>3. GVC.TS. Vũ Quang (2013), <i>Giáo trình Pháp luật đại cương</i>, NXB Bách Khoa Hà Nội, Hà Nội.</p>
6	Tiếng Anh 1 New cutting Edge (Elementary)	New cutting Edge (Elementary)
7	Tiếng Anh 2	New cutting Edge (Pre-Intermediate)
8	Toán cao cấp	Nguyễn Đình Trí (chủ biên) – Tạ Văn Đĩnh – Nguyễn Hồ Quỳnh, 1998, Toán

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		học cao cấp (Tập 1, 2, 3), Nhà xuất bản Giáo Dục.
9	Tin học đại cương	<ol style="list-style-type: none"> 1. <i>Tự học windows 7, Tự học Microsoft Excel 2010</i>, NXB Văn hóa Thông tin.. 2. <i>Tự học Word 2010</i>, NXB Hồng Bàng. 3. <i>Tự học PowerPoint 2010</i>, NXB Hồng Bàng.
10	Xác suất thống kê	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Ngọc Linh (2015), <i>Xác suất và thống kê toán</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.
11	Giáo dục thể chất	
12	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	
13	Tài chính - Tiền tệ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đinh Xuân Hạng, Phạm Ngọc Dũng (2014), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Tài chính. 2. TS.Lê Thị Mận (2013), <i>Lý thuyết Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Lao động Xã hội. 3. Nguyễn Văn Tiến (2015), <i>Giáo trình Tài chính – Tiền tệ</i>, NXB Thống kê.
14	Kinh tế vi mô 1	<ol style="list-style-type: none"> 1. PGS.TS Vũ Kim Dũng (2012), <i>GT Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, NXB Lao động – Xã hội. 2. PGS.TS Phí Mạnh Hồng (2014), <i>Giáo trình Kinh tế vi mô</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội. 3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2010), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Đại học KTQD.
15	Kinh tế vĩ mô	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Văn Công (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý Kinh tế vĩ mô</i>, Nhà xuất bản Lao động (ĐH Kinh tế quốc dân). 2. Nguyễn Văn Dân (2008), <i>Kinh tế học vĩ mô</i>, Nhà xuất bản Tài chính

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		3. Nguyễn Văn Ngọc (2011), <i>Bài giảng Nguyên lý Kinh tế vĩ mô</i> , Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân
16	Nguyên lý thống kê kinh tế	<p>1. Mai Văn Nam (2008), <i>Giáo trình Nguyên lý thống kê kinh tế</i>, NXB Văn hóa thông tin.</p> <p>2. Hà Văn Sơn (2010), <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. Ngô Thị Thuận (2006), <i>Nguyên lý thống kê kinh tế</i>, NXB Đại học Nông nghiệp</p>
17	Phân tích định lượng	<p>1. PGS.TS Phạm Đình Phùng (2012), <i>Giáo trình Mô hình toán kinh tế</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Lê Đình Thúy (2010), <i>Toán cao cấp cho các nhà kinh tế</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
18	Cơ sở khoa học môi trường	<p>1. Lưu Đức Hải (2008), <i>Cơ sở khoa học môi trường</i>, NXB ĐHQG Hà Nội.</p> <p>2. Lê Văn Khoa (chủ biên) (2008), <i>Khoa học môi trường</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>3. Bùi Thị Nga (2008), <i>Giáo trình Cơ sở khoa học môi trường</i>, Trường Đại học Cần Thơ.</p>
19	Lý thuyết kế toán	<p>1. Trần Văn Thuận, Phạm Thành Long (2011), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>2. Võ Văn Nhị (2012), <i>Bài tập Nguyên lý kế toán</i>, NXB Phương Đông.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		3. Đoàn Xuân Tiên, Lê Văn Liên, Nguyễn Thị Hồng Vân (2014), <i>Giáo trình Nguyên lý kế toán</i> , NXB Tài chính.
20	Quản trị học	<p>1. Nguyễn Hoàn, Nguyễn Thu Hiền (2013), <i>Giáo trình Quản trị học</i>, NXB Lao động.</p> <p>2. Bùi Văn Danh (2011), <i>Quản trị học – Bài tập và nghiên cứu tình huống</i>, NXB Lao động.</p> <p>3. Nguyễn Thị Liên Điệp (2009), <i>Giáo trình quản trị học</i>, NXB Thống kê.</p>
21	Hệ thống thông tin địa lý (GIS) và viễn thám	<p>1. Vũ Danh Tuyên và nnk (2013), <i>Cơ sở viễn thám</i>, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Dương Đăng Khôi (2012), <i>Hệ thống thông tin địa lý</i>, trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>3. Thomas M.Lillesand, Jonathan W.Chipman, Ralph W.Kiefer (2012), <i>Remote sensing and Image interpretation</i>, Wiley India.</p>
22	Tài chính công	<p>1. Bùi Tiến Hanh, Phạm Thị Hoàng Phương (2016), <i>Giáo trình Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Hoàng Thị Thuý Nguyệt, Đào Thị Bích Hạnh (2016), <i>Giáo trình Lý thuyết Quản lý tài chính công</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Phan Huy Đường (2014), <i>Giáo trình quản lý công</i>, NXB ĐH Quốc gia Hà Nội.</p>
23	Kinh tế đầu tư	1. PGS.TS.Nguyễn Bạch Nguyệt, PGS.TS Từ Quang Phương (2010), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. TS.Đỗ Phú Trần Tình (2009), <i>Giáo trình Lập và Thẩm định dự án đầu tư</i>, NXB Giao thông vận tải.</p> <p>3. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012), <i>Giáo trình Lập dự án đầu tư</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p>
24	Lịch sử các học thuyết kinh tế	<p>1. Trần Bình Trọng (2009), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. TS.Hà Quý Tình và Ths.Trần Hậu Hùng (2008), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Phạm Văn Chiến, Nguyễn Ngọc Thanh (2010), <i>Giáo trình Lịch sử các học thuyết kinh tế</i>, NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội.</p>
25	Quản lý nhà nước về kinh tế	<p>1. GS.TS Đỗ Hoàng Toàn, PGS.TS Mai Văn Bru (2008), <i>Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>2. TS Nguyễn Văn Sáu (2013), <i>Giáo trình quản lý kinh tế</i>, NXB Chính trị – Hành chính Quốc gia.</p> <p>3. Richard Lehne (2013), <i>Government and Business: American Political Economy in Comparative Perspective</i>, CQ Press, an Imprint of SAGE Publications, Inc.</p>
26	Tâm lý quản lý	<p>1. Đỗ Văn Phúc (2009), <i>Tâm lý trong quản lý doanh nghiệp</i>, NXB Bách Khoa.</p> <p>2. Nguyễn Văn Đồng (2011), <i>Giáo trình Tâm lý học giao tiếp</i>, NXB Chính trị - Hành chính.</p> <p>3. Nguyễn Bá Dương (2000), <i>Tâm lý học Quản lý</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p>
27	Kinh tế vi mô 2	1. PGS.TS Phạm Văn Minh (2011), <i>Giáo</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p><i>trình Kinh tế vi mô 2</i>, NXB lao động - xã hội.</p> <p>2. David Begg, S. Fisher, R. Dornbush (2011), <i>Kinh tế học vi mô</i>, NXB Thống kê.</p> <p>3. PGS.TS Cao Thúy Xiêm (2008), <i>Kinh tế vi mô phần 2</i>, NXB Kinh tế quốc dân.</p>
28	Kinh tế công cộng	<p>1. TS. Vũ Cương, PGS.TS Phạm Văn Vận, (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. PGS. TS Nguyễn Văn Dân, TS Đỗ Thị Thục, (2013), <i>Giáo trình Kinh tế công cộng</i>, Học viện tài chính, Nhà xuất bản tài chính.</p> <p>3. PGS. TS Vũ Kim Dũng, PGS. TS Nguyễn Văn Công, (2012), <i>Giáo trình Kinh tế học (Tập II)</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
29	Phân tích chi phí - lợi ích	<p>1. Trần Võ Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i>, Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.</p> <p>2. Phạm Thị Bích Thủy (2011), <i>Phân tích Lợi ích chi phí</i>, Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>3. Campbell, H., and Brown (2003), <i>Benefit-Cost Analysis: Financial and Economic Appraisal Using Spreadsheets</i>, Cambridge.</p>
30	Kinh tế học biến đổi khí hậu	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Thống kê.</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p>2. Trần Thọ Đạt (2012), <i>Biến đổi khí hậu và sinh kế ven biển</i>, Nhà xuất bản Giao thông vận tải Hà Nội.</p> <p>3. Vũ Kim Dũng (2012), <i>Giáo trình Nguyên lý kinh tế học vi mô</i>, Đại học Kinh tế quốc dân, Nhà xuất bản Lao động – xã hội.</p>
31	Định giá kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường: Từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i>, Nhà xuất bản Giao thông vận tải.</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Lượng giá thiệt hại kinh tế do ô nhiễm, suy thoái môi trường</i>, NXB Chính trị Quốc gia.</p> <p>3. Bateman J. (2003), <i>Economic Valuation with state preference techniques: a manual</i>, Edward elgar Publishing, London.</p>
32	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	<p>1. Vũ Cao Đàm (2014), <i>Phương pháp luận nghiên cứu khoa học</i>, NXB Giáo dục Việt Nam.</p> <p>2. Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), <i>Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. Nguyễn Văn Thắng (2014), <i>Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
33	Kế toán tài chính	<p>1. Đặng Thị Loan (2011), <i>Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp</i>, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. Nguyễn Thị Đông (2013), <i>Giáo trình lý</i></p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p><i>thuyết hạch toán kế toán</i>, NXB Trường Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Phan Đức Dũng (2014), <i>Bài tập và bài giải Kế toán tài chính</i>, NXB lao động – xã hội.</p>
34	Tiếp cận cộng đồng trong quản lý tài nguyên	<p>1. Huỳnh Quang Tín (2011), <i>Giáo trình Quản lý tài nguyên thiên nhiên trên cơ sở phát triển cộng đồng</i>, NXB Đại học Cần Thơ, Cần Thơ.</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2013), <i>Kinh tế tài nguyên rừng</i>, NXB Đại học Nông nghiệp.</p> <p>3. Trần Đức Viên, Nguyễn Vinh Quang, Mai Văn Thành (2005), <i>Phân cấp trong quản lý tài nguyên rừng và sinh kế người dân</i>, NXB Nông nghiệp.</p>
35	Dự báo phát triển kinh tế xã hội	<p>1. Bộ môn Dự báo, Khoa kế hoạch và phát triển, Trường đại học Kinh tế Quốc Dân (2014), <i>Dự báo phát triển kinh tế xã hội</i>, NXB Thống kê.</p> <p>2. PGS.TS Nguyễn Quang Đông (2012), <i>Giáo trình Kinh tế lượng</i>, NXB Đại học kinh tế quốc dân.</p> <p>3. Nguyễn Trọng Hoài, Phùng Thanh Bình, Nguyễn Khánh Duy (2009), <i>Dự báo và phân tích dữ liệu trong Kinh tế và Tài chính</i>, NXB Thống kê.</p>
36	Thương mại và tài nguyên môi trường	<p>1. Chris Wold, Sanford Gaines, Greg Block (2011), <i>Trade and Environment: Law and Policy</i>, Carolina Academic Press.</p> <p>2. GS. TS. Đỗ Đức Bình, TS. Nguyễn Thường Lạng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế quốc tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>3. GS. TS. Phạm Ngọc Linh, TS. Nguyễn</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Thị Kim Dung (2013), <i>Giáo trình Kinh tế phát triển</i> , NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
37	Kiểm soát ô nhiễm môi trường	<ol style="list-style-type: none"> 1. Đồng Kim Loan, Nguyễn Mạnh Khải, Nguyễn Thị Hà, Phạm Ngọc Hồ (2014), <i>Kiểm soát và đánh giá chất lượng môi trường</i>, NXB ĐH Quốc Gia Hà Nội 2. Trần Ngọc Chân (2000), <i>Ô nhiễm không khí và xử lý khí thải – Tập 1,2,3</i>. Nhà xuất bản KHKT Hà Nội 3. J. R. Mudakavi, India (2010), <i>Principles and Practices of Air Pollution Control and Analysis</i>.
38	Du lịch sinh thái	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Huy Bá (2006), <i>Du lịch sinh thái</i>, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh. 2. Bùi Thị Hải Yến (2011), <i>Tài nguyên du lịch</i>, NXB Giáo dục Việt Nam 3. Nguyễn Đình Hòa, Vũ Văn Hiều (2001), <i>Du lịch bền vững</i>, NXB ĐHQGHN
39	Kiểm toán môi trường	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Kiểm toán môi trường</i>, NXB Lao động và xã hội. 2. Nguyễn Viết Lợi, Đậu Ngọc Châu (2013), <i>Lý thuyết kiểm toán</i>, NXB Tài chính. 3. Quý Lâm, Kim Phượng (2014), <i>Hệ thống tiêu chuẩn quy chuẩn về môi trường</i>, NXB Lao động xã hội.
40	Thống kê tài nguyên và môi trường	<ol style="list-style-type: none"> 1. Lê Văn Khoa (2010), <i>Giáo trình Con người và môi trường</i>, NXB giáo dục Việt nam. 2. GS.TS Phạm Ngọc Kiểm (2010), <i>Giáo trình Thống kê doanh nghiệp</i>, NXB lao

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p><i>động - xã hội.</i></p> <p>3. Hà Văn Sơn (2010), <i>Giáo trình Lý thuyết thống kê, ứng dụng trong Quản trị và kinh tế.</i>, NXB Thống Kê.</p>
41	Đánh giá tác động môi trường	<p>1. Hoàng Ngọc Khắc, Nguyễn Khắc Thành, Vũ Văn Doanh (2014), <i>Giáo trình Đánh giá tác động môi trường</i> (hệ đại học), Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.</p> <p>2. Trần Văn Ý (Chủ biên) (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường các dự án phát triển</i>, NXB Thống kê.</p> <p>3. Phạm Ngọc Hồ & Hoàng Xuân Cơ (2006), <i>Đánh giá tác động môi trường</i>, NXB ĐHQG HN.</p>
42	Kinh tế tài nguyên 1	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i>, NXB Lao động.</p> <p>3. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống Kê.</p>
43	Kinh tế tài nguyên 2	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Bá Uân, Ngô Thị Thanh Vân (2006), <i>Giáo trình Kinh tế thủy lợi</i>, NXB Xây dựng.</p> <p>3. Nguyễn Thế Chinh (2009), <i>Giáo trình Kinh tế và quản lý môi trường</i>, NXB Thống Kê</p>
44	Quản lý dự án tài nguyên và môi trường	<p>1. PGS.TS. Từ Quang Phương (2014), <i>Giáo trình Quản lý dự án đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p> <p>2. PGS.TS. Nguyễn Bạch Nguyệt (2012),</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		<p><i>Lập dự án đầu tư</i>, NXB Thống kê</p> <p>3. PGS.TS. Từ Quang Phương, PGS.TS. Phạm Văn Hùng (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đầu tư</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
45	Hạch toán quản lý môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, NXB Thống Kê</p> <p>2. IFAC, (2005). <i>International Guidance Document: EMA. International Federation of Accountants</i>, New York.</p> <p>3. Phạm Đức Hiếu (2012), <i>Giáo trình kế toán môi trường trong doanh nghiệp</i>, NXB Giáo dục.</p>
46	Quản lý kinh tế tài nguyên và môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>3. GS. TS. Nguyễn Hoàng Toàn, PGS, TS. Mai Văn Bưu, (2008), <i>Giáo trình Quản lý nhà nước về kinh tế</i>, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.</p>
47	Kinh tế môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p> <p>3. TS Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất TÀI CHÍNH.</p>
48	Kinh tế tài nguyên biển	<p>1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i>, NXB Tài chính.</p> <p>2. Nguyễn Thế Chinh (Chủ biên)</p>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		(2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý Môi trường</i> , NXB Thống kê. 3. Lê Đức Tố, Hoàng Trọng Lập, Trần Công Trục, Nguyễn Quang Vinh (2005), <i>Quản lý biển</i> , NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
49	Kiến tập môn học – Kinh tế tài nguyên và môi trường	1. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Kinh tế và quản lý môi trường</i> , NXB Thống kê. 2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i> , NXB Giao thông vận tải. 3. Trần Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i> , Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
50	Đề án môn học - Kinh tế tài nguyên và môi trường	1. Nguyễn Thế Chinh (2013), <i>Kinh tế và quản lý môi trường</i> , NXB Thống kê. 2. Đinh Đức Trường, Lê Hà Thanh (2013), <i>Lượng giá tài nguyên và môi trường từ lý thuyết đến ứng dụng tại Việt Nam</i> , NXB Giao thông vận tải. 3. Trần Hùng Sơn (2003), <i>Nhập môn phân tích lợi ích - chi phí</i> , Nhà xuất bản Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
51	Thực tập tốt nghiệp	Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.
52	Khóa luận tốt nghiệp	Sinh viên tham khảo các tài liệu và văn bản liên quan.
53	Phân tích tổng hợp trong kinh tế tài nguyên	1. Nguyễn Văn Song (2009), <i>Giáo trình Kinh tế tài nguyên</i> , (2009), NXB Tài chính. 2. Nguyễn Hoàn (2013), <i>Giáo trình Kinh tế đất</i> , NXB Lao Động. 3. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình</i>

STT	Tên học phần	Tài liệu học tập chính
		Kinh tế và quản lý môi trường, NXB Thống kê.
54	Phân tích tổng hợp trong kinh tế môi trường	<p>1. Nguyễn Thế Chinh (2003), <i>Giáo trình Kinh tế và Quản lý môi trường</i>, Nhà xuất bản Thống kê.</p> <p>2. Hoàng Xuân Cơ (2005), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Giáo dục.</p> <p>3. Nguyễn Mậu Dũng (2010), <i>Giáo trình Kinh tế môi trường</i>, Nhà xuất bản Tài chính.</p>

4.6.2. Danh sách giảng viên tham gia thực hiện chương trình

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
1	Hà Thị Thanh Thủy	TS	Kinh tế học	Khoa KTTN&MT
2	Bùi Thị Thùy	ThS	Máy tính (Khoa học máy tính)	Khoa CNTT
3	Đàm Thanh Tuấn	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
4	Đỗ Minh Anh	ThS	Triết học	Khoa LLCT
5	Hoàng Thị Ngọc Minh	ThS	Hồ Chí Minh học	Khoa LLCT
6	Lê Đắc Trường	ThS	Khoa học môi trường	Khoa MT
7	Đào Thị Thương	ThS	Thương mại	Khoa KTTN&MT
8	Phạm Thị Hồng Quế	ThS	Ngôn ngữ Anh	BMNN
9	Mai Thị Hiền	ThS	Lý luận và PP giảng dạy tiếng anh	BMNN
10	Phạm Thị Thương	ThS	Kỹ thuật trắc địa	Khoa TĐBĐ

TT	Họ và tên	Học hàm, học vị	Chuyên ngành	Đơn vị công tác
	Huyền			
11	Trần Lệ Thu	ThS	Luật	Khoa LLCT
12	Nguyễn Thị Trang	ThS	Toán học	Khoa KHĐC
13	Nguyễn Thị Diệu Linh	ThS	Kế toán	Khoa KTTN&MT
14	Đỗ Diệu Linh	ThS	Kinh tế	Khoa KTTN&MT
15	Đỗ Thị Ngọc Thúy	ThS	Kinh tế và Quản lý môi trường	Khoa KTTN&MT
16	Đỗ Thị Phương	ThS	Quản trị kinh doanh	Khoa KTTN&MT
17	Đặng Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
18	Nguyễn Thị Hiền	ThS	Quản lý kinh tế	Khoa KTTN&MT
19	Bùi Phương Nhung	ThS	Kế toán	Khoa KTTN&MT
20	Lê Thị Bích Lan	ThS	Kinh tế	Khoa KTTN&MT

4.7.Hướng dẫn thực hiện chương trình

- Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 tiết thực hành, thí nghiệm hoặc thảo luận; 50÷80 giờ thực tập, tiểu luận, bài tập lớn hoặc đồ án, khoá luận tốt nghiệp.

- Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển đổi sang thang điểm chữ theo quy định.

- Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký khối lượng học tập của sinh viên ở từng học kỳ. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp (nếu chưa đảm bảo đủ quy định về khối lượng

học tập tối thiểu cho mỗi học kỳ).

- Khối lượng học tập mà mỗi sinh viên phải đăng ký trong mỗi học kỳ (Trừ học kỳ cuối khóa) là không dưới 14TC đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường và 10÷14TC đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu. Việc đăng ký các học phần sẽ học cho từng học kỳ phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của học phần và trình tự học tập của chương trình.

- Lưu ý khi sắp xếp lịch học thực hành, thực tập giữa các học phần trong cùng một học kỳ phải so le nhau, tránh chồng chéo.

Hà Nội, ngày tháng năm 2017

TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

TRƯỞNG KHOA

TS. Vũ Danh Tuyên

TS. Nguyễn Hoàn